

Bản án số: 203/2019/ DS-PT
Ngày: 19/7/2019
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất ở, ngõ đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Viết Văn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Bà Ngô Thị Thu Thiện.

- Thư ký phiên toà: Ông Quản Việt Phương – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT- DS ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất ở, ngõ đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/ DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.O. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2019/QĐ-PT ngày 25/6/2019, Quyết định hoãn phiên toà số 247/2019/QĐPT-HPT ngày 04/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông N.B.T., sinh năm 1958 và vợ là bà N.T.L., sinh năm 1958.

2. Bà L.T.Đ., sinh năm 1960 (Chồng là ông N.B.L., sinh năm 1961);

3. Bà N.T.L., sinh năm 1959 (Chồng là ông N.B.T., sinh năm 1958);

Cùng trú tại: Thôn Q.S., xã T.U., huyện T.O., thành phố Hà Nội

4. Ông N.B.M., sinh năm 1951; Hiện đang trú tại: Số nhà 36, M.K., phường T.Đ., quận H.B.Tr., thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Cụ N.B.N., sinh năm 1933;

Cụ N.T.P., 85 tuổi;

Ông N.B.C., sinh năm 1967;

Cùng trú tại: Thôn Q.S., xã T.Ư., huyện T.O., thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:

- Anh N.B.THj., sinh năm 1981; anh N.B.THjn., sinh năm 1983; chị N.T.Hj, sinh năm 1988 (là các con của ô.Tn.). Cùng trú tại: Thôn Q.S., xã T.Ư., huyện T.O., thành phố Hà Nội

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:

- Bà N.T.É, sinh năm 1952;
- Bà N.T.Tn., sinh năm 1954;
- Bà N.T.Ng., sinh năm 1959 (đã chết);
- Bà N.T.L., sinh năm 1961;
- Bà N.T.H., sinh năm 1965;
- Bà N.T.H1., sinh năm 1970;
- Ông N.B.Qg., sinh năm 1973;

Cùng trú tại: Thôn Q.S., xã T.Ư., huyện T.O., thành phố Hà Nội.

Anh N.B.THj., anh N.B.THjn., N.T.Hj, ông N.B.M., ủy quyền toàn bộ cho ông N.B.T..

Cụ N.B.N., cụ N.T.P., ông N.B.M., các bà N.T.É, N.T.Tn., N.T.L., N.T.H., ông N.B.Qg., ủy quyền toàn bộ cho ông N.B.C., sinh năm 1967. Trú tại: Thôn Q.S., xã T.Ư., huyện T.O., thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo, ông N.B.T. là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông N.B.T. trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tại thửa 135, tờ bản đồ số 01 thôn Q.S., xã T.Ư., huyện T.O., Hà Nội là của gia đình ông được UBND huyện T.O., Tp.Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 231836, cấp ngày 26/7/2001 mang tên Hộ ông N.B.T..

Về lý do khởi kiện: Năm 2015 phía gia đình cụ N.B.N., cụ N.T.P., cùng các con đẻ trong đó có ông N.B.C. xây nhà ở, bếp công trình phụ, tường bao đã lấn sang đất ngõ đi chung của 04 nhà, chiều ngang là 35cm, chiều dài theo chiều của ngõ, sang đất thổ cư của nhà ông là: 7m² sau khi sự việc xảy ra UBND xã Tân Ước đã đứng ra tổ chức hoà giải việc xây lấn đất này nhưng hai bên không hòa giải được, trong những lần hòa giải ô.Cg.

con c.Ng. đã thừa nhận việc xây lấn sang đất nhà ông 40 cm đất vì trước đây theo bản đồ nhà ô.Cg. phía giáp vườn nhà ông là 12 m, nhưng hiện nay là 15 m, hai bên cũng có thỏa thuận việc đền bù, theo đó ô.Cg. sẽ hỗ trợ cho gia đình ông 50 triệu VNĐ, nhưng sau đó ô.Cg. không thực hiện nữa.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo bản đồ hiện nay vì khi xảy ra tranh chấp địa chính xã T.U. đã lên thực địa đo và tuyên bố là nhà c.Ng. (ô.Cg.) đã xây lấn sang đất thổ cư nhà ông: 7m² đất và xây lấn sang ngõ nhà ông cùng các hộ dân khác 40cm vì trước đây ngõ đi rộng 2 m, nay chỉ còn hơn 1,6 m.

Quan điểm ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc phía gia đình c.Ng. phải trả lại: 7m² đất thổ cư xây lấn sang nhà ông phía vườn và diện tích xây lấn ra ngõ đi chung của các hộ trong đó có gia đình ông, ông cũng đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải.

Bà N.T.L. nhất trí với phần trình bày của ông N.B.T. và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông N.B.C. trình bày:

Nguồn gốc đất của gia đình ông tại thửa số: 138, tờ bản đồ số 01, diện tích đất 259 m² tại thôn Q.S., xã T.U., huyện T.O., thành phố Hà Nội do ông cha nhà ông để lại, đất từ xưa đến nay đã 03 lần làm nhà, chưa bao giờ xây lấn sang đất nhà ai, việc ô.Tn., b.Ln. trình bày là xây lấn đất ông không đồng ý với quan điểm như vậy vì sổ đỏ ngày xưa mới đúng diện tích đất, còn sổ đỏ bây giờ các cấp chính quyền làm không đúng. Trước khi xây nhà giữa ông và nhà ô.Tn., b.Ln. đã có sự thống nhất về mốc giới với gia đình ông, có như vậy gia đình ông mới xây được nhà (việc này không có sự thống nhất bằng văn bản), sau khi xây xong thì phía nhà ô.Tn. thay đổi không đồng ý nữa.

Khi ông xây nhà, giáp phía nhà cụ Biển có góc khuyết, chiều rộng là 90cm, chiều dài 1,5m, sau khi sự việc tranh chấp xảy ra thì địa chính xã T.U. lên đo nhưng gia đình nhà ông không có mặt, nên khi đo đã bỏ đi góc khuyết nên thành ra 04 cạnh còn trước đây đất nhà ông có 06 cạnh. Ông đã thống nhất với ô.Tn. góc khuyết phía giáp cụ Biển tiến ra 45cm, dài 1,5m, cạnh lưng nhà đằng sau giáp nhà ô.Tn. tiến lên 10cm, ô.Tn. đồng ý thì ông xây cho ô.Tn. 01 cống thoát nước rộng 25cm, cao 30 cm, lấp đổ bê tông chảy qua đất nhà ông hai bên đã thống nhất bằng miệng và ông tiến hành làm nhà như hiện nay. Từ khi làm móng đến khi xây nhà xong không ai có ý kiến gì, sau này thì ô.Tn. lại khởi kiện bảo ông xây lấn đất nhà ô.Tn., việc này được UBND xã T.U. hòa giải và tôi

ông phải cắt đi 25 cm văng chia ra ngõ của nhà vệ sinh giáp ngõ đi chung và thu hẹp đất tạo góc đi vào ngõ đi chung để tạo góc cua cho rộng hơn. Trong các buổi hòa giải đã thống nhất giữa các hộ và gia đình ô.Tn. với gia đình ông là không kiện tụng gì nữa, sau 03 ngày gia đình ô.Tn. kiện lại bảo các con để trong gia đình không đồng ý nên mới khởi kiện gia đình ông.

Về phân diện tích đất ngõ đi chung của các hộ trong đó có gia đình ô.Tn., ông trình bày: Khi xây bếp, công trình phụ và tường rào được xây trên nền móng cũ, việc xây dựng và đào móng các hộ trong ngõ đều biết nhưng không ai có ý kiến phản đối, bản thân ông đã phải cắt mặt trần công trình phụ, thu hẹp góc cua đi vào ngõ nhưng b.Đ., ô.Tn. vẫn có đơn đề nghị giải quyết.

Ông cũng trình bày việc gia đình được cấp sổ đỏ từ nhiều năm nay cũng không ai để ý đến diện tích đất. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện, ông có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà L.T.Đ., bà N.T.L., ông N.B.M. có cùng quan điểm đề nghị Tòa án xem xét việc hộ gia đình ô.Cg., c.Ng., cụ Phén xây tường bao đã lấn ra ngõ đi chung, như sau:

Trước đây các hộ gia đình chúng tôi có sử dụng ngõ đi chung thì xe công nông còn đi được, nay thì không, sau khi nhà ô.Cg. xây tường lên thì có sự tranh chấp với ô.Tn., địa chính xã T.Ư. lên đo thực địa và thông báo, diện tích ngõ đi theo bản đồ năm nào thì chúng tôi không rõ, phần đầu ngõ đi vào ngõ của chung của 04 nhà chúng tôi là 2.3m, đi vào phía trong ngõ thì là 1,95m, nay phần đầu ngõ chỉ còn lại 1.95m, phần trong ngõ còn lại 1.6m, như vậy là có sự xây lấn ra ngõ đi của chúng tôi, diện tích cụ thể thì đề nghị Tòa án đo cho cụ thể theo bản đồ hiện nay và buộc gia đình ô.Cg. phải tháo dỡ để ngõ đi cho thuận tiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/ DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.O. đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.B.T. bà N.T.L. về việc: Đòi quyền sử dụng đất thổ cư và ngõ đi chung:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông N.B.T.,bà N.T.L., Bà L.T.Đ., Bà N.T.L., Ông N.B.M. về việc: Đòi quyền sử dụng đất ngõ đi chung:

3. Buộc hộ gia đình cụ N.B.N. cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến c.Ng. phải thanh toán trả cho ông N.B.T., bà N.T.L. và các con để ô.Tn., b.Ln. giá trị phần đất lấn sang nhà ông N.B.T. là: $2,01 \text{ m}^2 \times 3.000.000\text{đồng} = 6,300.000\text{đồng}$ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

4. Buộc hộ gia đình cụ N.B.N. cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến c.Ng. phải tháo dỡ phần công trình đã xây dựng trên ngõ đi chung để trả lại phần diện tích đất là: $8,3m^2$ ($0,32 + 0,63 \times 17,5m$) vào diện tích ngõ đi chung (Diện tích cụ thể phải tháo dỡ là phần đầu ngõ giáp liền với nhà ô.Tn. là $0,32m$; Phần đầu ngõ đi vào là $0,63m$) (Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Ngoài ra bản án còn quyết định về số tiền chậm thanh toán bị tính lãi khi thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý, ông N.B.T. kháng cáo một phần Bản án. Đơn kháng cáo của ô.Tn. có nội dung chính: Toà án sơ thẩm đã bỏ qua phần diện tích hình thang bị gia đình c.Ng. lấn chiếm của gia đình ô.Tn., cụ thể như sau: Cạnh đất của gia đình ô.Tn. giáp ngõ đi đo thực tế là $14,58m$, theo bản đồ là $14,80m$; như vậy cạnh này bị lấn là $14,80m - 14,58m = 0,22m$. Cạnh đất giáp vườn nhà c.Ng. lấn, Toà án đo lấn là $2,46m$, theo bản đồ thì cạnh này là $1,4m$ nên cạnh này gia đình ô.Tn. bị lấn là $2,46m - 1,40m = 1,06m$. Như vậy diện tích hình thang gia đình ô.Tn. bị lấn là $1,06m + 0,22m \times 14m = 8,4m^2$. Tổng diện tích gia đình ô.Tn. bị lấn là $2,1m^2 + 8,4m^2 = 10,4m^2$. Ô.Tn. đề nghị Toà án buộc gia đình ông Ngô phải trả lại diện tích $10,4m^2$ bằng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình chứng cứ mới.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội xác định kháng cáo của ô.Tn. không có cơ sở. Tuy nhiên Bản án dân sự sơ thẩm có sai sót về số tiền gia đình c.Ng. phải thanh toán là $6.300.000$ đồng, số đúng là $6.030.000$ đồng và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng, ông N.B.T. nộp đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của ông N.B.T., Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Căn cứ để giải quyết vụ án này là Bản đồ 364 (năm 1997) do Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T.O. cung cấp và kết quả đo đạc tại Biên bản thẩm định định giá tài sản ngày 27/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện T.O..

Căn cứ vào Bản đồ 364 và theo hiện trạng đo ngày 27/7/2018, thì:

Cạnh đất của gia đình ô.Tn. giáp ngõ đi theo Bản đồ là 14,80m, hiện trạng là 14,58 m, như vậy giảm đi 0,22m. Cạnh đất của gia đình c.Ng. giáp ngõ đi theo Bản đồ là 17,50m, hiện trạng là 16,68m, như vậy cũng giảm đi 0,32m. Ô.Tn. cho rằng cạnh đất giáp ngõ đi của gia đình ông bị giảm đi 0,22m là do gia đình c.Ng. lấn là không có cơ sở, bởi lẽ, cạnh đất giáp ngõ đi của gia đình c.Ng. cũng bị giảm 0,32m. Mặt khác, khi khởi kiện vụ án này, ô.Tn. không khai về cạnh đất này của gia đình ô.Tn. bị lấn. Như vậy, kháng cáo của ô.Tn. về cạnh đất giáp ngõ đi của gia đình ô.Tn. bị gia đình c.Ng. lấn là không có căn cứ.

Cạnh đất (dọc theo tường hậu của gia đình c.Ng.) giữa hai thửa đất của gia đình c.Ng. và của gia đình ô.Tn. theo Bản đồ là 15,5m, hiện trạng là 16,32 m, như vậy tăng lên: 0,82m. Cạnh giáp phía vườn của gia đình ô.Tn. và của gia đình c.Ng. theo Bản đồ là 12,61m, theo hiện trạng là: 15,07 m, tăng thêm 2,46m. Theo hiện trạng, cạnh này của gia đình c.Ng. được đo hết phần công trình xây dựng của gia đình c.Ng. là 15,07m. Kháng cáo của ô.Tn. cho rằng cạnh đất giáp vườn nhà c.Ng. lấn gia đình ô.Tn. là $2,46\text{m} - 1,40\text{m} = 1,06\text{m}$ là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo kháng cáo của ô.Tn. thì khi xây nhà mái ngói, gia đình c.Ng. đã lấn ra phía sau sang đất của gia đình ô.Tn. với kích thước rộng 1,06m, chỗ hẹp nhất 0,22m với chiều dài 14m (nếu có) là việc xây lấn rất rõ, bình thường ai cũng nhận ra, trong khi đó gia đình ô.Tn. sử dụng đất lên tục lại không phát hiện ra tại thời điểm khi gia đình c.Ng. xây nhà năm 2015. Theo đơn khởi kiện cũng như yêu cầu của ô.Tn. khi giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm thì ô.Tn. yêu cầu gia đình c.Ng. phải trả

lại 7m² đất thổ cư xây lấn sang nhà ông phía vườn, chứ không phải là lấn toàn bộ theo ranh giới giữa hai nhà là 14m như yêu cầu khi ô.Tn. kháng cáo.

Xem xét về diện tích đất: Tại thửa số 135 mang tên ông N.B.T. theo Bản đồ là 268m², hiện trạng là 278,6m², như vậy tăng lên 10,6m². Bản án dân sự sơ thẩm xác định gia đình c.Ng. sử dụng 2,01m² đất ở của gia đình ô.Tn., như vậy diện tích đất ở của gia đình ô.Tn. tăng lên 12,61 m² (10,6m²+ 2,01m²). Tại thửa số 138 mang tên cụ N.B.N. theo Bản đồ là 259m², hiện trạng là 268,8m² tăng lên 9,8 m². Phần tăng thêm này của gia đình c.Ng. 9,8 m² tương ứng với phần đất c.Ng. phải trả theo Bản án dân sự sơ thẩm là 8,3m² ngõ và 2,01m² đất ở; tổng cộng là 10,31 m².

Mặt khác, nếu chấp nhận yêu cầu kháng cáo 8,4m² đất của ô.Tn. thì diện tích đất ở của gia đình ô.Tn. tăng lên 21,01m² (10,6m²+ 2,01m² +8,4m²); diện tích đất ở của gia đình c.Ng. giảm đi 8,91m² (9,8 m² - 10,31 m² - 8,4m² = - 8,91m²).

Như vậy, phần đất ở của gia đình ô.Tn. bị gia đình c.Ng. sử dụng chính là góc khuyết của thửa đất của gia đình c.Ng. trước đây. Phần diện tích góc khuyết này được xác định từ hướng Đông nam lên hướng Tây bắc là 2,46m; từ hướng Tây nam lên hướng Đông bắc là 0,82m. Bản án dân sự sơ thẩm đã xác định gia đình c.Ng. đã sử dụng một phần diện tích đất ở của gia đình ô.Tn. là 2,46m x 0,82m = 2,01 m² là có căn cứ.

Bản án dân sự sơ thẩm đã căn cứ vào việc gia đình c.Ng. đã xây dựng nhà kiên cố, phần xây lấn là góc nhà, việc xây dựng phù hợp quy hoạch nông thôn, với cảnh quan của các hộ xung quanh, phần đất lấn sang giáp với vườn nhà ô.Tn., diện tích lấn chiếm không lớn để tiếp tục giao cho gia đình c.Ng. sử dụng đất và phải thanh toán bằng tiền cho gia đình ô.Tn. là phù hợp

Như đã phân tích và trích dẫn trên, kháng cáo của ô.Tn. không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà: Bản án dân sự sơ thẩm có sai sót về số tiền gia đình c.Ng. phải thanh toán là 6.300.000 đồng, số đúng là 6.030.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Bản án dân sự sơ thẩm có sai sót về kết quả phép nhân do đó chỉ cần hiệu chỉnh lại.

Về án phí phúc thẩm: Ô.Tn. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 163,164,166,174,175,176 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 35, 39, 147, 148, 271, 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.B.T..

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/ DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.O., cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.B.T. bà N.T.L. về việc Đòi quyền sử dụng đất thổ cư .

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.B.T., bà N.T.L., bà L.T.Đ., bà N.T.L., ông N.B.M. về việc Đòi quyền sử dụng đất ngõ đi chung.

3. Buộc hộ gia đình cụ N.B.N. cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến c.Ng. phải thanh toán trả cho ông N.B.T., bà N.T.L. và các con đẻ của ô.Tn., b.Ln. giá trị phần đất lấn sang nhà ông N.B.T. là: $2,01\text{m}^2 \times 3.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 6.030.000\text{đ}$ (sáu triệu không trăm ba mươi ngàn đồng).

4. Buộc hộ gia đình cụ N.B.N. cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến c.Ng. phải tháo dỡ phần công trình đã xây dựng trên ngõ đi chung để trả lại phần diện tích đất là: $8,3\text{m}^2 ((0,32\text{m} + 0,63\text{m} \times 17,5\text{m}) / 2)$ vào diện tích ngõ đi chung. Diện tích cụ thể phải tháo dỡ là phần đầu ngõ giáp liền với nhà ô.Tn. là 0,32m; Phần đầu ngõ đi vào là 0,63m; chiều dài 17,5m (Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

5. Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015.

6. Án phí:

* Án phí sơ thẩm:

Gia đình cụ N.B.N. cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến c.Ng. do anh N.B.C. đại diện phải chịu 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông N.B.T. số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.875.000đ (một triệu tám trăm bảy năm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 01259 ngày 19/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.O..

Hoàn trả bà L.T.Đ., bà N.T.L., ông N.B.M. số tiền tạm ứng án phí của mỗi người là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu số 02375, 02376 ngày 13/11/2018 và số 02378 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.O..

**Án phí phúc thẩm:*

Ông N.B.T. phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 02399 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.O..

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện T.O.;
- Chi cục THADS huyện T.O.;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Viết Văn

